TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **89**/2022/DS-ST
Ngày: 19-7-2022
V/v tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Trần Ngọc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên toà: Không thuộc trường hợp Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST - DS, ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2022/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2022/QĐST-DS, ngày 10 tháng 6 năm 2022 và số 216/2022/QĐST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Đình H, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường H, khóm 7, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thảo L, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường B, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang. Theo Giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Huỳnh Minh Hoàng, chứng thực có số chứng thực 233, ngày 30/3/2022.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 7, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2022 nguyên đơn ông Ngô Đình H thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Do quen biết ông có cho bà Đỗ Thị N vay số tiền 800.000.000 đồng vào ngày 02 tháng 01 năm 2022. Bà N có làm biên nhận nợ và nhận đủ số tiền vay của ông. Theo thỏa thuận thì thời hạn vay là 06 tháng và lãi suất là 03%/tháng. Nhưng từ lúc vay cho đến hạn đóng lãi thì bà N không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi cho ông. Ông có điện thoại yêu cầu bà N đóng lãi thì bà N cứ hứa hẹn.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 800.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 02 tháng 01 năm 2022 cho đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Đỗ Thị N không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa ngày 19 tháng 7 năm 2022:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn chỉ yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả 800.000.000 đồng tiền nợ gốc. Đối với yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 02 tháng 01 năm 2022 cho đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất theo quy định pháp luật, ông H rút lại yêu cầu này.

Bà N vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông H khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Long Xuyên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Ông H vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà N.

[2.2] Ông H ủy quyền cho ông Huỳnh Thảo L. Việc ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, ông Luyện tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền cho ông H theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xem xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2022 ông H yêu cầu bà N trả nợ gốc 800.000.000đồng và tiền lãi từ ngày 02 tháng 01 năm 2022 cho đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất

theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông H xác định ông H chỉ yêu cầu trả nợ gốc 800.000.000 đồng. Đối với yêu cầu buộc bà N trả tiền lãi từ ngày 02 tháng 01 năm 2022 cho đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất theo quy định pháp luật ông H rút lại không yêu cầu. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

[4] Về nội dung vụ án: Ông H khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 800.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của mình ông H cung cấp bản chính biên nhận nợ ngày 02 tháng 01 năm 2022 với nội dung "*Tôi tên Đỗ Thị N, sinh năm 1054, CMND 350112536, thường trú 326/2B Hùng Vương, khóm 7, Mỹ Long có mượn của ông Ngô Đình H số tiền là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), thời hạn 6 tháng (sáu) lãi suất 3%/tháng. Nay tôi viết biên nhận này để làm bằng*". Biên nhận bà N ký tên và ghi rõ họ tên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H bà N không có ý kiến, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa, không cung cấp tài liệu, chứng cứ xác định đến thời điểm hiện tại bà có trả lãi hay nợ gốc cho ông H chưa. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định bà đã thực hiện xong nghĩa vụ trả số tiền 800.000.000 đồng cho ông H. Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 02 tháng 01 năm 2022 mà bà N ký nhận yêu cầu buộc bà N trả số tiền vay 800.000.000 đồng của ông H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của ông H được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà N phải chịu 36.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thêm nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Hội đồng xét xử miễn nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà N.

Yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên ông H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đình H đối với yêu cầu buộc bà Đỗ Thị N trả tiền lãi từ ngày 02 tháng 01 năm 2022 cho đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất theo quy định pháp luật.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đình H đối với bà Đỗ Thị N: Bà Đỗ Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Đình H số tiền 800.000.000 đồng (Viết bằng chữ: Tám trăm triệu đồng), đã nhận tại biên nhận nợ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn nghĩa vụ nộp 36.000.000 đồng (Viết bằng chữ: Ba mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đỗ Thị N.

Ông Ngô Đình H được nhận lại 18.384.000 đồng (Viết bằng chữ: Mười tám triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001091, ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

4/ Về quyền kháng cáo: Ông Ngô Đình H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Đỗ Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bé Thu